



VAPORSTOP CA 500

Màng ngăn hơi nước tự dính bitum biến tính SBS



MÔ TẢ:

Màng bitum biến tính SBS được gia cường bằng vật liệu dẻo dai VAPORSTOP CA 500 được sử dụng làm màng ngăn hơi nước hiệu suất cao trong các hệ thống chống thấm cho mái nhà. Bề mặt tự dính bên dưới và độ bền kéo cao đảm bảo cho vật liệu chịu được trọng lượng của người đứng giữa các bề mặt lượn sóng của sàn tôn kim loại định hình mà không bị vỡ hoặc bị kéo giãn.

Vật liệu này được sản xuất trên nền của chất dẫn bằng lưới thủy tinh được bao phủ bằng một chất kết dính bitum tự dính biến tính SBS. Màng được bảo vệ ở mặt dưới bằng một lớp màng phim silicon để tháo rời, trong khi bề mặt trên được phủ bằng lá nhôm.



ƯU ĐIỂM:

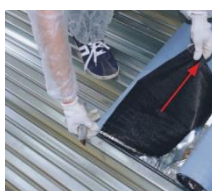
- Mang đến khả năng ngăn hơi nước rất hiệu quả;
- Độ bền kéo cao giúp cho ta có thể dẫm lên màng vật liệu trong quá trình lắp đặt;
- Các đặc tính bám dính đáng tin cậy giúp cho màng vật liệu không bị xô dịch và làm cho màng vật liệu không bị ảnh hưởng bởi tải trọng từ gió thổi;
- Tốc độ thi công nhanh;
- Không cần thêm bất kỳ thiết bị và kỹ năng bổ sung nào khác;
- Khả năng chống cháy đột ngột;
- Tính sửa chữa cao.

LẮP ĐẶT:

▪ MẶT PHẪNG



Cắt màng chống bám dính silicon ở khoảng cách 30-40 cm từ đầu cuộn bằng dao lợp.



Tháo màng bảo vệ từ đầu cuộn và gắn màng lên bề mặt.



Dùng con lăn ấn vào vị trí dính đầu tiên trên toàn bộ chiều rộng của màng.



Tiếp tục gắn màng vào nền. Một công nhân kéo màng ra, trong khi người kia làm mịn màng bằng chổi.



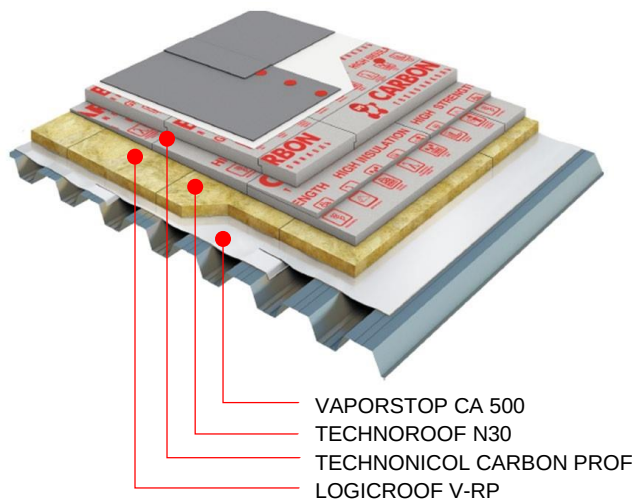
Các chỗ chồng dọc phải được đặt ở đầu của nếp gấp và không nhỏ hơn 50 mm, chỗ chồng cuối - không nhỏ hơn 100 mm.



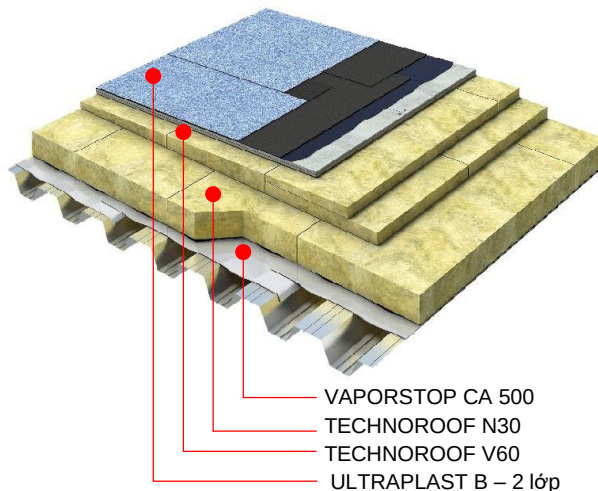
Nếu màng đã bị hỏng trong quá trình lắp đặt, chỉ cần dán một mảnh vật liệu lớn hơn (≥ 100 mm từ tất cả các phía) để che lỗ.

CÁC GIẢI PHÁP HỆ THỐNG:

■ MÁI BẰNG MÀNG PVC VÀ CÁCH NHIỆT KẾT HỢP



■ MÁI BẰNG VỚI MÀNG BITUM VÀ CÁCH NHIỆT LEN ĐÁ



HIỆU SUẤT ĐƯỢC KHAI BÁO:

Đặc điểm thiết yếu	Phương thức kiểm tra	Hiệu suất	Đặc điểm thiết yếu	Phương thức kiểm tra	Hiệu suất
Bảo vệ mặt trên	-	lá nhôm	Điểm làm mềm, °C	ASTM D36	≥+100
Bảo vệ mặt dưới	-	màng chống dính	Tính linh hoạt ở nhiệt độ thấp, °C	EN 1109-1	≤-25
Chiều dài, m	EN 1848-1	≥50.0	Khả năng chống chảy ở nhiệt độ cao, °C	EN 1110	≥+90
Chiều rộng, m	EN 1848-1	≥1.08	Độ kín nước ở 0,2 MPa trong 24 giờ	EN 1850-1	Vượt qua
Độ thẳng	EN 1848-1	≤10 mm / 5 m	Hiệu suất chữa cháy bên ngoài	EN 13501-5	Broof (t1)
Khối lượng trên đơn vị diện tích, kg/m ²	EN 1849-1	0.5±0.1	Phản ứng với lửa	EN 13501-1	Euroclass E
Độ dày, mm	EN 1849-1	NPD	Ổn định kích thước, %	ASTM D5147	NPD
Loại hãng vận chuyển	-	loại gia cố	Độ bám dính của hạt, %	EN 12039	NPD
Đặc tính chịu kéo: lực kéo lớn nhất L/T, N/50mm	EN 12311-1	600±120 / 600±120	Khả năng chống bong tróc của mối nối: lớp chống/ lớp chống lên phim, N/50 mm	EN 12316-1	≥50
Tính chất chịu kéo: độ giãn dài L/T, %	ASTM D5147	≥2.0 / ≥2.0	Water vapor transmission (Sd), m	EN 1931	≥1000
Độ bền L/T, N	EN 12317-1	≥1.5	Các chất nguy hiểm	Không chứa các chất nguy hiểm	

Chú thích: L/T – Dọc/Ngang (Longitudinal / Transverse); NPD – Không xác định hiệu suất (No Performance Determined).
Hạn sử dụng nếu đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về bảo quản: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.